



Đà Nẵng, ngày 13 tháng 4 năm 2016

Số: 20.2.1 CV-DEIDCO

V/v: "Công bố thông tin Quý 1 năm 2016"

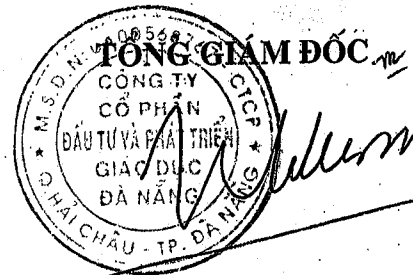
**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên công ty : Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
2. Mã chứng khoán : DAD
3. Địa chỉ trụ sở : 145 Lê Lợi — Phường Hải Châu 1- Quận Hải Châu- TP Đà Nẵng
4. Điện thoại : 0511 3889950 Fax : 0511 3889957
5. Người thực hiện công bố thông tin : Lê Ngọc
6. Nội dung của thông tin công bố :
 - 6.1 Báo cáo tài chính quý 1 năm 2016 của Công ty CPĐT&PT GD Đà Nẵng được lập ngày 08 tháng 04 năm 2016. Bao gồm : BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2 Nội dung giải trình : không
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính : www.iseebooks.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HC.



HỒ VĂN LĨNH



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 4 năm 2016

Số: 203./ CV-DEIDCO

ĐĂNG KÝ MÔ HÌNH DOANH NGHIỆP VÀ LOẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

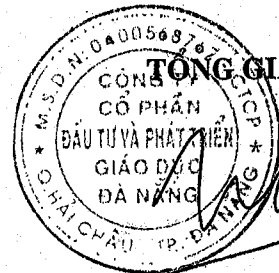
Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Tên công ty : Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Đà Nẵng
- Mã chứng khoán : DAD
- Địa chỉ trụ sở : 145 Lê Lợi — Phường Hải Châu 1- Quận Hải Châu- TP Đà Nẵng
- Điện thoại : 0511 3889950 Fax : 0511 3889957
- Email : deidco@yahoo.vn
- Website : Iseebooks.vn
- Mô hình tổ chức
 - + Không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc
- Loại BCTC phải công bố thông tin :
 - + BCTC của công ty (không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HC.



TỔNG GIÁM ĐỐC

HỒ VĂN LĨNH



Đà Nẵng, ngày 13 tháng 4 năm 2016

Số: 203 / CV-DEIDCO

ĐĂNG KÝ MÔ HÌNH DOANH NGHIỆP VÀ LOẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

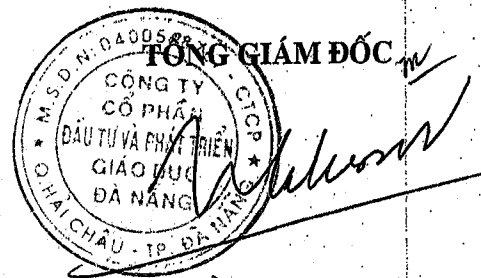
Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Tên công ty : Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
- Mã chứng khoán : DAD
- Địa chỉ trụ sở : 145 Lê Lợi — Phường Hải Châu 1- Quận Hải Châu- TP Đà Nẵng
- Điện thoại : 0511 3889950 Fax : 0511 3889957
- Email : deidco@yahoo.vn
- Website : Iseebooks.vn
- Mô hình tổ chức
 - + Không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc
- Loại BCTC phải công bố thông tin :
 - + BCTC của công ty (không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HC.



HỒ VĂN LĨNH

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ : 145 Lê Lợi - TP Đà Nẵng

Tel : 05113 889950 Fax : 05113 889957

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 01 năm tài chính 2016

Mẫu số Q-02d

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ 01 NĂM 2016

Đơn vị : đồng VN

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Quý này (tạm tính)	Quý này (tạm trước)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm này)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	19.723.600.827	20.042.232.406	19.723.600.827	20.042.232.406
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		226.965.278	540.697.109	226.965.278	540.697.109
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		19.496.635.549	19.501.535.297	19.496.635.549	19.501.535.297
4. Giá vốn hàng bán	11	21	16.479.679.895	16.361.059.011	16.479.679.895	16.361.059.011
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		3.016.955.654	3.140.476.286	3.016.955.654	3.140.476.286
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	119.942.712	508.569.280	119.942.712	508.569.280
7. Chi phí tài chính	22	23	211.066.222	468.127.659	211.066.222	468.127.659
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		202.066.222	368.238.011	202.066.222	368.238.011
8. Chi phí bán hàng	24		771.969.350	1.060.651.500	771.969.350	1.060.651.500
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.623.619.790	1.606.893.228	1.623.619.790	1.606.893.228
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22) - (24+25))	30		530.243.004	513.373.179	530.243.004	513.373.179
11. Thu nhập khác	31		145.455	6.872.728	145.455	6.872.728
12. Chi phí khác	32		0	0	0	0
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		145.455	6.872.728	145.455	6.872.728
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50	24	530.388.459	520.245.907	530.388.459	520.245.907
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		116.685.461	114.454.100	116.685.461	114.454.100
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		413.702.998	405.791.807	413.702.998	405.791.807
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	25	89	87	89	87

Lập bảng

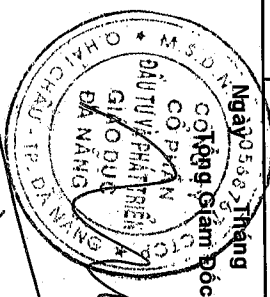
Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 01 năm 2016

Năm 2016

(Signature)

(Signature)



(Signature)

NGUYỄN QUANG DŨNG

HỒ VĂN LĨNH

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ : 145 Lê Lợi - TP Đà Nẵng
Tel : 05113 889950 Fax : 05113 889957

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - QUÝ 01 NĂM 2016

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 01 năm tài chính 2016
Mẫu số Q-03d

Đơn vị : đồng VN

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Lưu kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lưu kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		14.609.005.455	4.096.125.710
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-14.513.281.997	-21.870.356.031
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-1.562.520.236	-692.443.400
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-209.733.271	-378.369.025
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-331.799.166	-255.825.418
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		126.654.362	412.785.208
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-10.247.420.633	-9.275.746.585
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		-12.119.095.486	-27.963.829.541
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		145.455	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	-1.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		128.776.046	87.631.780
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		128.921.501	-912.368.220
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		12.630.728.005	18.119.822.343
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		0	0
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		12.630.728.005	18.119.822.343
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		640.554.020	-10.756.375.418
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.652.303.856	14.903.888.496
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		2.292.857.876	4.147.513.078

Lập bảng

Kế toán trưởng

Ngày 03 Tháng

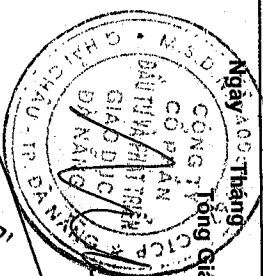
Năm 2016

Tổng Giám đốc

De Ngoc

MM

Hồ Văn Linh



HỒ VĂN LINH

NGUYỄN QUANG DŨNG

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ : 145 Lê Lợi - TP Đà Nẵng

Tel : 05113 889950 Fax : 05113 889957

BẢO CAO TÀI CHÍNH

Quý 01 năm tài chính 2016

Mẫu số Q-01d

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN - QUÝ 01 NĂM 2016

Đơn vị : đồng VN

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGÂN HẠN	100		81.040.694.318	62.097.024.910
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.292.857.876	10.152.303.856
1. Tiền	111		2.292.857.876	1.652.303.856
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	8.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	348.002.273	348.002.273
1. Chứng khoán kinh doanh	121		408.545.000	408.545.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-60.542.727	-60.542.727
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.900.962.231	15.561.784.621
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		14.892.743.345	10.492.240.321
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.280.737.800	4.985.885.423
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	7	0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.339.181.707	695.359.498
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-636.742.671	-636.742.671
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		25.042.050	25.042.050
IV. Hàng tồn kho	140		54.691.342.071	33.165.121.982
1. Hàng tồn kho	141	8	62.166.255.887	40.640.035.798
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-7.474.913.816	-7.474.913.816
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.807.529.867	2.869.812.178
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	3.754.972.426	2.119.954.831
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.510.623	749.625.678
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		31.046.818	231.669
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	10	0	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30.608.415.632	30.840.674.794
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.400.000.000	3.400.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		3.400.000.000	3.400.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		19.618.837.620	19.851.096.782
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	11.775.016.406	12.003.025.567

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Tuyệt minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguyên giá	222		16.380.785.394	16.366.076.394
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-4.605.768.988	-4.363.050.827
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	7.843.821.214	7.848.071.215
- Nguyên giá	228		7.884.999.000	7.884.999.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-41.177.786	-36.927.785
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
1. Nguyên giá	231		0	0
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		0	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng kinh doanh dở dang	242		0	0
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	6.799.500.000	6.799.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5.449.500.000	5.449.500.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.350.000.000	1.350.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		790.078.012	790.078.012
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	790.078.012	790.078.012
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG TÀI SẢN	270		111.649.109.950	92.937.699.704
NGUỒN VỐN	300		44.057.522.349	17.777.119.651
A. NỢ PHẢI TRẢ	310		44.057.522.349	17.777.119.651
I. Nợ ngắn hạn	311		20.332.012.987	3.842.367.024
1. Phải trả người bán	311		1.725.168.358	884.605.322
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	145.817.618	414.946.363
3. Thuế và các khoản nộp nhà nước	313		198.992	919.794.021
4. Phải trả người lao động	314		2.024.754.042	3.161.455.901
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	24.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	251.484.565	504.180.357
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		19.575.229.379	6.944.501.374
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.856.408	1.081.269.289
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn	330		0	0
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
8. Vay nợ và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		67.591.587.601	75.160.580.053
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	67.591.587.601	75.160.580.053
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		0	0
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ	415		-2.907.360.967	-2.907.360.967
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.710.192.703	4.689.507.553
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.788.755.865	23.378.433.467
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.457.793.467	13.077.556.480
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		330.962.398	10.300.876.987
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
TỔNG NGUỒN VỐN	440		111.649.109.950	92.937.699.704

Lập bảng

Kế toán trưởng

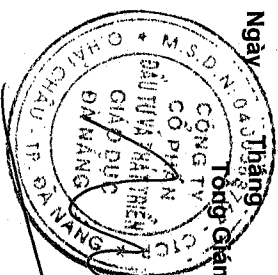
Ngày tháng năm

Năm 2016

Tổng Giám đốc

Lê Ngọc

Nguyễn Quang Dũng



Hồ Văn Linh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 28/08/2014 với mã số doanh nghiệp là 0400568767.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 41,5% vốn điều lệ.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ – SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Đào tạo dạy nghề: tin học, ngoại ngữ;
- Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách hỗ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất: Thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại;
- Kinh doanh dịch vụ địa ốc;
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng. Công ty thực hiện khấu hao nhanh, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 20
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

4.7 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp thuê đất).

Nguyên giá Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng với các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không tính khấu hao.

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.11 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông thường niên.

4.12 Ghi nhận doanh thu

4.13 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng:
 - Đối với sản phẩm sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - Đối với sản phẩm sách tham khảo và thiết bị giáo dục: Áp dụng thuế suất là 5%.
 - Đối với sản phẩm lịch các loại và văn phòng phẩm: Áp dụng thuế suất là 10%.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 22%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản đầu tư tài chính và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2016	31/03/2015
	VND	VND
Tiền mặt	23.513.830	34.462.096
Tiền gửi ngân hàng	2.269.344.046	2.352.077.196
Tiền gửi ngân hàng có kì hạn (dưới 3 tháng)	0	3.500.000.000
Cộng	2.292.857.876	5.886.539.292

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/03/2016	31/03/2015
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	408.545.000	408.545.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn @	(-60.542.727)	(141.542.727)
Cộng	348.002.273	267.002.273

@ Cơ sở trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn là chênh lệch giữa giá gốc và giá giao dịch bình quân của các cổ phiếu này vào ngày 31/12/2015 tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng các cổ phiếu Công ty đang nắm giữ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Các khoản phải thu khác

	31/03/2016	31/03/2015
	VND	VND
Phải thu khác	3.433.367.996	56.408.700

8. Hàng tồn kho

	31/03/2016	31/03/2015
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.523.111.316	1.109.310.435
Chi phí SX, KD dở dang	15.440.804.706	19.389.661.110
Thành phẩm	44.154.427.231	42.413.947.769
Hàng hóa	47.912.634	186.041.500
Cộng	62.166.255.887	63.098.960.814

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/03/2016	31/03/2015
	VND	VND
Thuế GTGT đầu vào chờ phân bổ hàng tồn kho	3.743.252.426	2.568.810.427
Cộng	3.743.252.426	2.568.810.427

10. Tài sản ngắn hạn khác

	31/03/2016	31/03/2015
	VND	VND
Tạm ứng	633.215.762	764.860.833
Cộng	633.215.762	764.860.833

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị Quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	14.512.702.303	1.470.960.000	382.414.091	16.366.076.394
Tăng trong năm	14.709.000	0	0	14.709.000
Giảm trong năm				
Số cuối năm	14.527.411.303	1.470.960.000	382.414.091	16.380.785.394
Khấu hao				
Số đầu năm	2.622.253.342	1.389.200.912	351.596.573	4.363.050.827
Khấu hao trong năm	192.482.693	43.339.542	6.895.926	242.718.161
Giảm trong năm				
Số cuối năm	2.814.736.035	1.432.540.454	358.492.499	4.605.768.988
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	11.890.448.959	81.759.088	30.817.518	12.003.025.567
Số cuối năm	11.712.675.269	38.419.546	23.921.592	11.775.016.406

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	TS vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	7.799.999.000	85.000.000	7.884.999.000
Tăng trong kỳ			
Giảm trong kỳ	-		-
Số cuối kỳ	7.799.999.000	85.000.000	7.884.999.000
Khấu hao			
Số đầu kỳ		36.927.785	36.927.785
Tăng trong kỳ		4.250.001	4.250.001
Giảm trong kỳ		-	-
Số cuối kỳ		41.177.786	41.177.786
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	7.799.999.000	48.072.215	7.848.071.215
Số cuối kỳ	7.799.999.000	43.822.214	7.843.821.214

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

13. Đầu tư dài hạn khác

	31/03/2016	31/03/2015
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu		
- Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng	2.530.000.000	2.530.000.000
- Công ty Cổ phần Sách & Thiết bị Trường học Bình Định	2.919.500.000	2.919.500.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ XB GD Đà Nẵng	350.000.000	350.000.000
- Công ty CP Sách và TBGD miền Nam	1.000.000.000	1.000.000.000
- Công ty CP Giáo Dục Phổ Thông	0	0
Cộng	6.799.500.000	6.799.500.000

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2016	31/03/2015
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	0	48.861.558
Chi phí thuê đất KCN Hoà Cầm	209.714.572	228.083.740
Quyền sử dụng đất Hòa Cầm	580.363.440	631.198.188
Cộng	790.078.012	908.143.486

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/03/2016	31/03/2015
	VND	VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng LD Việt Nga CN Đà Nẵng	0	7.062.575.348
Vay ngắn hạn Ngân hàng Bắc Công thương TP ĐN	19.575.229.379	21.239.071.939
Cộng	19.575.229.379	28.301.647.287

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/03/2016	31/03/2015
	VND	VND
Thuế GTGT	0	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	84.185.462	81.954.101
Thuế thu nhập cá nhân	61.632.156	27.540.787
Cộng	145.817.618	109.494.888

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/03/2016	31/03/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	24.483.428	0
Bảo hiểm xã hội	30.250.357	126.318.000
Tài sản thừa chờ giải quyết	35.497.150	0
Các khoản phải trả, phải nộp khác	161.253.630	192.830.201
Cộng	251.484.565	319.148.201

18. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ ĐT Phát triển VND	LN sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2015	50.000.000.000(2.907.360.967)		4.045.702.741	13.077.556.480	64.215.898.254
Tăng trong kì	-	-	20.289.590	324.633.446	344.923.036
Giảm trong kì	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/03/2015	<u>50.000.000.000(2.907.360.967)</u>		<u>4.065.992.331</u>	<u>13.402.189.926</u>	<u>64.560.821.290</u>
Số dư tại 01/01/2016	<u>50.000.000.000(2.907.360.967)</u>		<u>4.689.507.553</u>	<u>23.378.433.467</u>	<u>75.160.580.053</u>
Tăng trong kì	-	-	20.685.150	330.962.398	351.647.548
Giảm trong kì	-	-	-	7.920.640.000	7.920.640.000
Số dư tại 31/03/2016	<u>50.000.000.000(2.907.360.967)</u>		<u>4.710.192.703</u>	<u>15.788.755.865</u>	<u>67.591.587.601</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/03/2016	31/03/2015
	VND	VND
Nhà Xuất bản Giáo dục VN	20.750.000.000	20.750.000.000
Các cổ đông khác	25.842.000.000	25.842.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	3.408.000.000	3.408.000.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	Số cuối Q1/2016 Cổ phiếu	Số cuối Q1/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu thường	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	340.800	340.800
- Cổ phiếu thường	340.800	340.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.659.200	4.659.200
- Cổ phiếu thường	4.659.200	4.659.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (ĐVT: đồng)	10.000	10.000

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Q1/Năm 2016 VND	Q1/Năm 2015 VND
Lợi nhuận cuối kì chuyển sang	23.378.433.467	13.077.556.480
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	413.702.998	405.791.807
Phân phối lợi nhuận		
- Quỹ đầu tư phát triển	20.685.150	20.289.590
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	41.370.300	40.579.181
- Thù lao HĐQT, BKS	20.685.150	20.289.590
- Chi trả cổ tức	7.920.640.000	0
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.788.755.865	13.402.189.926

19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Q1/ 2016 VND	Q1/ 2015 VND
Doanh thu bán hàng	19.723.600.827	20.042.232.406
Các khoản giảm trừ doanh thu	226.965.278	540.697.109
+ Chiết khấu thương mại		
+ Hàng bán bị trả lại	226.965.278	540.697.109
Doanh thu thuần về bán hàng hóa dịch vụ	19.496.635.549	19.501.535.297

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

20. Giá vốn hàng bán

	Q1/ 2016 VND VND	Q1/ 2015 VND VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	16.479.679.895	16.361.059.011
Cộng	16.479.679.895	16.361.059.011

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Q1/ 2016 VND VND	Q1/ 2015 VND VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	119.942.712	45.180.280
Cổ tức, lợi nhuận được chia	0	463.389.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa		
Cộng	119.942.712	508.569.280

22. Chi phí hoạt động tài chính

	Q1/ 2016 VND VND	Q1/ 2015 VND VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	0	0
Lãi tiền vay	202.066.222	368.238.011
Chiết khấu thanh toán	9.000.000	99.889.648
Lãi đầu tư CP	0	0
Cộng	211.066.222	468.127.659

23. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

	Q1/ 2016 VND	Q1/ 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	530.388.459	
Tổng thu nhập chịu thuế	530.388.459	520.245.907
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	116.685.461	114.454.100
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	413.702.998	405.791.807

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Q1/Năm 2016 VND	Q1/Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	413.702.998	405.791.807
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Lợi nhuận hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông		
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.659.200	4.659.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	89	87

25. Thông tin về các bên liên quan

a. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

Các nghiệp vụ phát sinh	Mối quan hệ	Q1/Năm 2016 VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại TP. HCM	Chung công ty đầu tư	39.339.600
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại TP. ĐN	Chung công ty đầu tư	41.831.500
Công ty CP Sách&TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	107.896.400
Công ty CP Sách - TBTH Bình Định	Công ty nhận đầu tư	252.984.600
Công ty CP IN-PHS&TBTH Quảng Nam	Chung công ty đầu tư	1.870.555.060
Mua hàng		
NXBGD tại TP Đà Nẵng	Công ty đầu tư	8.138.412.570
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư	33.514.900
Công ty CP In SGK Hoà Phát	Chung công ty đầu tư	703.612.768

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Số dư với các bên liên quan tại ngày khóa sổ kế toán:

	Mối quan hệ	Phải thu VND	Phải trả VND
Nhà XBGD tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư		9.058.307.970
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	96.506.672	
Công ty CP Sách - TBTH Bình Định	Công ty nhận đầu tư	510.669.219	
Công ty CP DVXB GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư		373.981.708
Công ty CP In-PHS&TBTH Quảng Trị	Chung công ty đầu tư	581.367.872	
Công ty CP ĐT&PT GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư		51.222.920
Công ty CP DVXB GD Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	297.146.322	
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	801.350	
Công ty CP Sách giáo dục tại TP Hà Nội	Chung công ty đầu tư	721.466.739	

26. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính quý 1 năm 2015.



Hồ Văn Linh

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Dũng